



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
CHI CỤC ATVSTP THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 7071/2020/ĐKSP

Chi cục ATVSTP Hà Nội xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ LIFESTYLE VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 70, Liên Kê 6B, KĐT Làng Việt Kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: 0931158666

Fax:

Email: info@nicehair.vn

Cho sản phẩm: Sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ từ 0-36 tháng tuổi: BABEGO

Sản phẩm trên do CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NANOFOOD; Địa chỉ: Thôn Đồng Vàng, xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai, Hà Nội sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật QCVN 11-1:2012/BYT: Quy chuẩn quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.

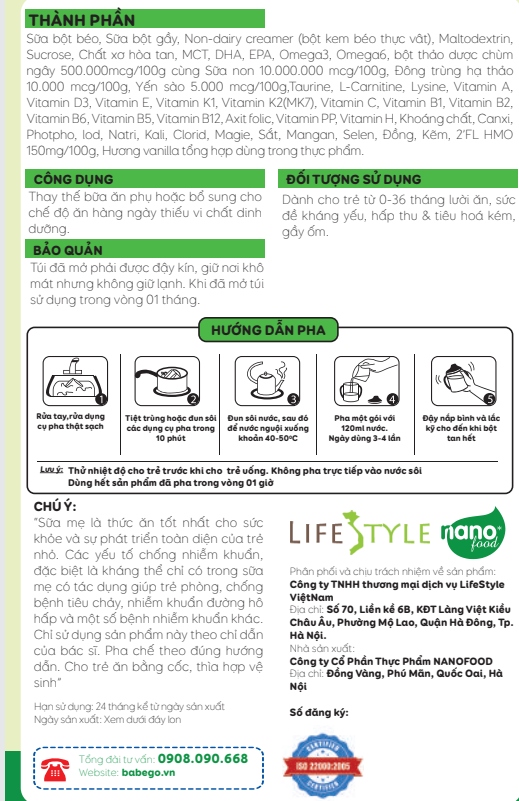
Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

CHI CỤC TRƯỞNG

Trần Ngọc Tụ



THÔNG TIN CHẤT DƯNG/NUTRITION FACTS					
Thành phần	Đơn vị	100g bột	Ingredient	Unit	100g flour
Bột chàm nguyên	mcg	500.000	Moringa	mcg	500.000
Bột gạo lứt	g	500.000	Glutinous rice	g	500.000
Lactase	mg	11	Lactase	mcg	11
Chất độn	g	9,14	Filler	g	9,14
Chất điều chỉnh độ ẩm	mg	57,56	Sugar	mg	57,56
Chất điều chỉnh độ ẩm	mg	10,000	Colostrum	mg	10,000
L-Lysine HCl	mg	950	L-Lysine HCl	mg	950
Chất điều chỉnh độ ẩm	mg	20	Fat	mg	20
Lipid	g	60	Carbohydrate	g	60
Chất xơ thực phẩm	g	2.500	Dietary fiber	g	2.500
Canxi (Ca)	mg	750	Calcium	mg	750
Canxi (Ca)	mg	70	Calcium	mg	70
Phosphat (P)	mg	445	Phosphorus	mg	445
Phosphat (P)	mg	115	Sodium	mg	115
Kali (K)	mg	344	Potassium	mg	344
Magne (Mg)	mg	85	Magnesium	mg	85
Magne (Mg)	mg	6,2	Sulfur	mg	6,2
Kẽm (Zn)	mg	5,4	Zinc	mg	5,4
Vitamin A	IU	1166	Vitamin A	IU	1166
Vitamin E	IU	175	Vitamin E	IU	175
Vitamin K	mcg	7	Vitamin K	mcg	7
Vitamin K1	mcg	40	Vitamin K1	mcg	40
Vitamin C	mg	48	Vitamin C	mg	48
Vitamin B	mg	0,6	Vitamin B	mg	0,6
Vitamin B2	mg	0,5	Vitamin B2	mg	0,5
Vitamin B3	mg	1,375	Vitamin B3	mg	1,375
Vitamin B6	mg	0,9	Vitamin B6	mg	0,9
Vitamin B12	mcg	0,7	Vitamin B12	mcg	0,7
Acid Panthoic	mg	1,855	Pantoic acid	mg	1,855
Acid Panthoic	mg	85	Folic acid	mg	85
Taurine	mg	20	Taurine	mg	20
Choline	mg	20	Choline	mg	20
Iodine	mcg	90	Iodine	mcg	90
Selen	mcg	184	Copper	mcg	184
Selen	mcg	7	Selenium	mcg	7
Manganese	mg	50	Manganese	mg	50
Lipase	mg	500	Lipase	mg	500
Omega3	mg	250	Omega3	mg	250
Manganese	mg	1.264	Manganese	mg	1.264
DHA	mg	32	DHA	mg	32
Clorid	mg	245	Chloride	mg	245
Biotin	mcg	6,5	Biotin	mcg	6,5
Vitamin A	mcg	5.000,0	Vitamin A	mcg	5.000,0
Đông trùng hạ thảo	mg	10.000		mg	10.000

